

BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU CHO HỌC SINH LỚP 4 QUA BỘ SÁCH “KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG”

Đinh Thanh Huyền¹, Nguyễn Thị Vinh², Nguyễn Lý Phương Linh³

Tóm tắt: Phát triển năng lực nói chung và năng lực đọc hiểu văn bản là một trong những vấn đề quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với việc đổi mới phương pháp dạy học đọc hiểu trong nhà trường phổ thông hiện nay. Trong những năm gần đây, việc phát triển năng lực đọc hiểu cho học sinh Tiểu học đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, song những bất cập trong việc triển khai phát triển năng lực đọc hiểu vẫn đang tồn tại. Trên cơ sở phân tích thực trạng phát triển năng lực đọc hiểu văn bản của học sinh lớp 4, bài viết đề xuất một số biện pháp nhằm khắc phục một số bất cập trong việc phát triển năng lực đọc hiểu, cụ thể: Bám sát mục tiêu dạy học Ngữ văn trong nhà trường; Linh hoạt trong tiếp cận nội dung dạy học để đánh giá năng lực đọc hiểu của học sinh; Tạo sự kết nối giữa phương pháp dạy học đọc hiểu với đánh giá năng lực đọc hiểu; Ngoài ra, những điều kiện thực hiện phát triển năng lực đọc hiểu cũng cần được đảm bảo (Chất lượng và số lượng các bộ công cụ sử dụng trong đánh giá; Năng lực của giáo viên; Nhận thức của học sinh, phụ huynh, xã hội về phát triển năng lực đọc hiểu,...).

Từ khóa: nguyên tắc, biện pháp, phát triển năng lực, đọc hiểu.

1. MỞ ĐẦU

Đọc hiểu là một năng lực rất quan trọng trong việc dạy phân môn tiếng Việt cho người học nói chung và cho học sinh Tiểu học nói riêng. Bài viết trình bày một số biện pháp nhằm phát triển năng lực dạy đọc hiểu văn bản cho học sinh lớp 4 thông qua bộ sách “Kết nối tri thức với cuộc sống”. Việc triển khai đồng bộ các biện pháp này sẽ góp phần nâng cao năng lực dạy đọc hiểu cho học sinh, là cơ sở nâng cao chất lượng giảng dạy ở các trường học trong bối cảnh đổi mới giáo dục.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Tổng quan về đọc hiểu và năng lực đọc hiểu văn bản

2.1.1. Khái quát về đọc hiểu

¹ Giáo dục Tiểu học D2020 Tiếng Anh, Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội

² Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội

³ Giáo dục Tiểu học D2022A, Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội

Cho đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề đọc hiểu đã được các tác giả trong và ngoài nước đề cập đến. Trên thế giới có những quan điểm tiêu biểu như của tác giả Anderson (1998), tổ chức PISA (2012), William Vesterman (2015)... Ở Việt Nam, các nhà nghiên cứu đã nhìn nhận quan niệm đọc và đọc hiểu ở nhiều góc độ khác nhau. Tác giả Trần Đình Sử (2004) cho rằng *“Đọc là hoạt động cơ bản của con người để chiếm lĩnh văn hóa”* [11]. Tiến sĩ Trần Hương Quỳnh (2017) đã nhấn mạnh *“Đọc hiểu là đọc kết hợp với hình thành năng lực giải thích, phân tích, khái quát, biện luận đúng – sai về logic, nghĩa là kết hợp với năng lực, tư duy và biểu đạt”* [10].

Có rất nhiều cách định nghĩa khác nhau về đọc hiểu. Theo Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Thanh Hùng: *“Đọc hiểu là một khái niệm khoa học chỉ mức độ cao nhất của hoạt động đọc; đọc hiểu là hoạt động truy tìm và giải mã ý nghĩa văn bản”* [5, tr.76]. Tiến sĩ Nguyễn Trọng Hoàn cho rằng: *“Hiểu vừa là nguyên nhân vừa là mục đích của đọc. Nếu đọc mà không hiểu thì không phải quá trình đọc. Có nhiều yếu tố liên quan đến hoạt động đọc, song chắc chắn nội hàm của khái niệm đọc không thể tách rời với hiểu”* [6]. Phó Giáo sư, Tiến sĩ Phạm Thị Thu Hương cũng viết: *“Bản chất của đọc chính là một quá trình phức tạp, tổng hợp, đòi hỏi cần sở hữu một hệ thống những kỹ năng. Hiểu là mục đích quan trọng của việc đọc. Nhưng hiểu không phải tự dừng mà đến. Hiểu không phải là một sự may rủi tình cờ...”* [8, tr.10].

Tổng hợp các kết quả nghiên cứu như nêu trên, khóa luận nhận thấy qua niệm của tác giả Phạm Thị Thu Hương về đọc hiểu thực chất là: *“Quá trình người đọc kiến tạo ý nghĩa của văn bản đó thông qua các hệ thống hoạt động, hành động, thao tác nhất định”* [8, tr.19] phù hợp việc nghiên cứu về văn bản mà tác giả khóa luận quan tâm. Tôi dựa vào quan niệm này làm cơ sở cho những đề xuất biện pháp phát triển năng lực đọc hiểu văn bản của mình.

2.1.2. Khái quát về năng lực đọc hiểu

Năng lực đọc hiểu *“là khả năng nhận biết, thấu hiểu, giải thích, sáng tạo, trao đổi, tính toán và sử dụng những tài liệu viết hoặc in ấn kết hợp với những bối cảnh khác nhau. Nó đòi hỏi sự học hỏi liên tục cho phép một cá nhân đạt được mục đích của mình, phát triển kiến thức, tiềm năng và tham gia một cách đầy đủ trong xã hội rộng lớn”*.

Năng lực đọc hiểu được cấu thành từ 3 bộ phận cơ bản: kiến thức, kỹ năng và khả năng thực hành. Kiến thức bao gồm kiến thức về tiếng Việt cần cho đọc hiểu và kiến thức về văn học. Nói cách khác đó là những tri thức về văn bản. Kỹ năng là các hành động thao tác người đọc thực hiện để đọc hiểu văn bản. Khả năng thực hành hiểu là sự sẵn sàng thực

hiện, giải quyết các nhiệm vụ học tập, hoặc giải quyết các nhiệm vụ trong đời sống ở những tình huống cụ thể cần đến đọc hiểu.

Năng lực đọc hiểu được thể hiện qua:

- Đọc hiểu để có tri thức về văn bản: Hiểu ý nghĩa của các từ ngữ trong văn bản, hiểu cấu trúc của từng loại văn bản, hiểu thể loại của văn bản, hiểu phương thức biểu đạt của văn bản, hiểu đề tài của văn bản.

- Có các kĩ năng, thực hiện các hành động, thao tác đọc hiểu: đọc lướt, đọc nhanh để tìm chủ đề hoặc ý chính; đọc kĩ để tìm chi tiết thông tin; đọc chậm, đọc diễn cảm để ghi nhớ thông tin; đọc sáng tạo để giải thích, cắt nghĩa, phân tích, phân loại, kết nối, so sánh các thông tin trong văn bản; đọc tính lữ để rút ra ý nghĩa hàm ẩn của văn bản; cuối cùng là phản hồi văn bản.

- Vận dụng các tri thức, kĩ năng liên quan đến đọc hiểu để thực hiện các nhiệm vụ trong học tập và đời sống: biết cách đọc một văn bản mới, biết nói, viết về một vấn đề trong văn học hoặc đời sống, vận dụng những điều đã học từ những văn bản đã học để đưa ra giải pháp trước những tình huống cụ thể.

** Yêu cầu cần đạt về năng lực đọc hiểu văn bản của học sinh lớp 4:*

- Năng lực ngôn ngữ: Đối với học sinh lớp 4, chú trọng nhiều hơn đến yêu cầu đọc hiểu nội dung cụ thể, hiểu chủ đề, hiểu bài học rút ra được từ văn bản.

- Năng lực văn học: Biết cách đọc diễn cảm văn bản văn học; kể lại, tóm tắt được nội dung chính của câu chuyện, bài thơ; nhận xét được các nhân vật, sự việc và thái độ, tình cảm của người viết trong văn bản; nhận biết được thời gian và địa điểm, một số kiểu văn thơ, nhịp thơ, từ ngữ, hình ảnh đẹp, độc đáo và tác dụng của các biện pháp tu từ nhân hoá, so sánh. Hiểu được ý nghĩa hoặc bài học rút ra từ văn bản.

2.2. Thực trạng dạy học đọc hiểu cho học sinh lớp 4

Nhận thức của giáo viên về dạy học đọc hiểu khá đúng mức tuy nhiên vẫn chưa đặc biệt coi trọng việc rèn kĩ năng đọc hiểu và chưa biết cách khai thác nghĩa hàm ẩn trong các văn bản, dẫn đến kết quả dạy học đọc hiểu chưa cao. Thực tế giờ dạy Tập đọc còn diễn ra một cách khuôn mẫu, phải thực hiện theo đúng quy trình nên vẫn chưa vận dụng sáng tạo được các phương pháp dạy học. Bên cạnh đó, giáo viên ít khi giúp học sinh cảm nhận được cái hay, cái đẹp trong văn bản, không phát hiện được nghĩa liên cá nhân, cũng có nghĩa là không có bước hỏi đáp văn bản, như vậy là việc đọc hiểu thực sự chưa đạt yêu cầu cao.

Từ cách dạy của giáo viên, cách học của học sinh, có thể nhận thấy học sinh lớp 4 nhìn chung khá tích cực trong các hoạt động đọc hiểu trên lớp và hoàn thành tốt các yêu cầu trong bài học. Tuy nhiên, trong một số tiết học, hoạt động đọc hiểu diễn ra còn mang tính hình thức, chưa gắn liền với hoạt động thực tiễn cuộc sống của các em. Từ thực tế này, muốn dạy học đọc hiểu đạt kết quả tốt, cần có các biện pháp nhằm phát triển năng lực đọc hiểu cho học sinh lớp 4.

2.3. Đặc điểm của bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" môn Tiếng Việt lớp 4

Nội dung các văn bản được thiết kế theo hướng phát huy sáng tạo của học sinh, giúp các em có nhiều cơ hội để phát triển năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học gồm có năng lực ngôn ngữ và năng lực đặc thù của môn học. Ở nội dung dạy đọc, sách có nhiều văn bản mới mẻ, phù hợp với tâm lý tiếp nhận của học sinh lớp 4. Hầu hết các nhân vật chính, chủ thể chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ ở trong các bài học đều là trẻ em. Câu hỏi đọc hiểu được thiết kế đa dạng theo mức độ yêu cầu đọc hiểu cao hơn so với lớp 2 và lớp 3. Tỷ lệ câu hỏi đòi hỏi khả năng suy luận tăng lên so với lớp 3. Câu hỏi trắc nghiệm được thiết kế theo 4 phương án lựa chọn giống với hình thức trắc nghiệm khách quan ở các cấp học trên, tạo điều kiện để học sinh phát triển năng lực đọc hiểu và năng lực tư duy. Trong các bài học có nhiều câu hỏi đọc hiểu phát huy trải nghiệm riêng, cảm nhận riêng, sự sáng tạo riêng của học sinh. Nhìn vào hệ thống câu hỏi đọc hiểu ở các bài đọc sẽ thấy sách chú trọng khích lệ học sinh bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc, năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học của mình.

Về cấu trúc đọc hiểu trong bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống" bao gồm phần khởi động, phần đọc thành tiếng và phần đọc hiểu. Hệ thống các bài đọc có tính thẩm mỹ, có giá trị lâu dài, được tuyển chọn kỹ lưỡng, phù hợp với học sinh lớp 4 nhằm tạo cơ hội phát triển năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ cho học sinh. Các bài đọc đều có nhân vật trung tâm là các em nhỏ chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc. Điều này sẽ giúp học sinh lớp 4 dễ hiểu, dễ đồng cảm, có cơ hội liên hệ, vận dụng trải nghiệm của bản thân để đọc hiểu văn bản. Nội dung văn bản gắn với các chủ điểm phù hợp với lứa tuổi học sinh sẽ trang bị cho các em những hiểu biết thiết thực, bổ ích để vận dụng vào cuộc sống hàng ngày của các em, bồi dưỡng những cảm xúc trong sáng, lành mạnh, giàu tính nhân văn. Về hệ thống câu hỏi đọc hiểu thì khá đa dạng, thường có các dạng câu hỏi như câu hỏi mở giúp học sinh phát triển khả năng tư duy độc lập, năng lực giải quyết vấn đề; câu hỏi đóng vai nhân vật giúp học sinh phát triển năng lực giao tiếp; câu hỏi trắc nghiệm giúp học sinh phát triển khả năng ghi nhớ thông tin, khôi phục thông tin, chính xác hóa thông tin; câu

hỏi yêu cầu sự sáng tạo giúp học sinh phát triển tư duy và trí tưởng tượng. Đặc biệt sách có là kênh hình kết hợp hài hòa với kênh chữ giúp học sinh phát triển năng lực đọc văn bản đa phương thức theo yêu cầu của Chương trình 2018.

2.4. Nguyên tắc xây dựng biện pháp phát triển năng lực đọc hiểu cho học sinh

2.1.1. Nguyên tắc đảm bảo mục tiêu phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh

Dạy học phát triển năng lực của học sinh là phải thực hiện chuyển từ dạy học theo lối truyền thụ một chiều sang dạy cách học, vận dụng kiến thức, rèn luyện kỹ năng, hình thành năng lực và phẩm chất. Nội dung và hoạt động cơ bản trong các môn học được liên kết với nhau, gắn với tình huống thực tiễn.

2.1.2. Nguyên tắc tích hợp trong dạy học tiếng Việt

Trong chương trình giảng dạy, giáo viên cần có sự tích hợp các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết trong cùng một bài. Những kỹ năng này không chỉ làm cho bài học phong phú, đa dạng mà còn góp phần khắc sâu kiến thức. Bên cạnh đó, dạy học Tiếng Việt theo quan điểm tích hợp phải chú trọng thiết kế các tình huống và hoạt động để học sinh vận dụng phối hợp các kỹ năng vào xử lý tình huống đặt ra, qua đó lĩnh hội tri thức.

2.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tích cực hóa các hoạt động của học sinh

Trong dạy học, người dạy cần tổ chức, hướng dẫn học sinh tích cực, chủ động huy động kiến thức, kỹ năng vào hoạt động để hoàn thành nhiệm vụ học tập hoặc để giải quyết những tình huống trong thực tiễn; Phát huy tư duy ngôn ngữ cho học sinh, khéo léo dẫn dắt học sinh vào các tình huống có vấn đề, giải các bài tập có tính độc lập; Bồi dưỡng cho các em năng lực tự học, tự nghiên cứu, óc hoài nghi khoa học.

2.1.4. Nguyên tắc đảm bảo đặc điểm nhận thức và hứng thú của học sinh

Xác định mức độ tính chất khó khăn trong quá trình dạy học để thiết lập những cách thức chủ yếu tạo nên động lực học tập, mở rộng khả năng nhận thức của học sinh, suy nghĩ những biện pháp tiến hành chung với cả lớp và với từng học sinh; Phối hợp hình thức lên lớp, hình thức độc lập công tác của học sinh và hình thức học tập nhóm tại lớp, trước tập thể lớp, giáo viên đề ra nhiệm vụ chung và dưới sự chỉ đạo của giáo viên, từng cá nhân suy nghĩ cách giải quyết và trong thời gian đó, giáo viên giúp đỡ những học sinh yếu kém.

2.5. Một số biện pháp phát triển năng lực đọc hiểu cho học sinh lớp 4 qua bộ sách "Kết nối tri thức với cuộc sống"

2.5.1. Biện pháp 1: "Khơi gợi kiến thức nền khi dạy học đọc hiểu văn bản"

a. Mục đích

Kiến thức nền là một thành phần quan trọng quyết định thành công của học sinh trong việc đọc hiểu. Tạo kết nối là một chiến lược đọc quan trọng khuyến khích học sinh chia sẻ văn bản với các kết nối, kết nối văn bản với văn bản và kết nối văn bản với thế giới. Khi học sinh chia sẻ các kết nối của mình, thông qua trò chuyện, viết hoặc minh họa, đây là minh chứng cho biết về kiến thức nền. Khi học sinh có nhiều kinh nghiệm sống hoặc đã tiếp thu được thông tin về một chủ đề hoặc lĩnh vực nội dung cụ thể, năng lực đọc hiểu của học sinh sẽ tự động tăng lên. Khi học sinh đã có kiến thức nền để hỗ trợ cho việc hiểu văn bản, năng lực đọc hiểu của học sinh sẽ được nâng cao. Những học sinh này có thể dễ dàng phân tích và giải thích, diễn giải quan điểm của mình, suy luận và tóm tắt văn bản đơn giản. Cũng từ đó học sinh cảm thấy tự tin và hứng thú hơn với các nội dung của môn học. Học sinh càng có nhiều thông tin về một chủ đề thì học sinh đó càng dễ đọc, nhớ lại và hiểu văn bản.

b. Cách tiến hành

Để khơi gợi kiến thức nền trong quá trình dạy học đọc hiểu văn bản, giáo viên thực hiện các cách sau:

** Hướng dẫn học sinh tự đặt câu hỏi trong quá trình đọc*

Để tạo thói quen tư duy, học sinh phải thường xuyên được rèn luyện kỹ năng tự đặt câu hỏi. Trước hết, học sinh phải thành thạo cách thức đặt các dạng câu hỏi thông thường như: Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào? Như thế nào? Cái nào?... Đặc biệt, để học sinh tư duy có chiều sâu, cần hướng dẫn học sinh cách đặt các câu hỏi bậc cao như: Tại sao? Vì sao? Nếu...thì...? Giả sử...thì...? Trong phạm vi văn bản văn chương, theo Debra S. Peterson và Barbara M. Taylor (2012), “câu hỏi bậc cao” là các dạng câu hỏi, chẳng hạn: yêu cầu giải mã, lí giải về nhân vật và liên hệ văn bản với đời sống của chính người đọc [2]. Rèn cho học sinh kỹ năng này là để khi đứng trước một văn bản, thậm chí một từ, một dấu chấm câu, học sinh có thói quen tư duy về nội dung, hàm ý chứa đựng trong đó.

** Hướng dẫn học sinh đưa ra những dự đoán trong quá trình đọc*

Chiến thuật này được Ruth Ann Williamson (1996) đề cập tới, là một vòng tròn đọc – hiểu gồm 3 bước: dự đoán – đọc kiểm tra – xác nhận/ bác bỏ [7, tr.38]. Có thể cụ thể hóa chiến thuật của Ruth như sau:

Bước 1: Dự đoán

- Học sinh sử dụng tri thức nền về chủ đề - những hiểu biết về tác giả, tác phẩm, thời đại, sự trải nghiệm của cá nhân... để dự đoán nội dung văn bản.

- Học sinh dựa vào nhan đề, các tiêu đề, tranh ảnh minh họa... để dự đoán chủ đề văn bản.

- Học sinh sử dụng các đầu mỗi từ câu đầu tiên của đoạn và tri thức nền về chủ đề để đưa ra những dự đoán về những gì có thể xảy ra trong đoạn.

Bước 2: Đọc – kiểm tra các dự đoán

- Học sinh đọc một đoạn để xem dự đoán của mình đúng hay sai. Nếu sai, người học sẽ phải đưa ra các giả thiết mới. Vòng tròn này được sử dụng tiếp tục cho đến hết bài đọc.

- Sử dụng các câu hỏi tự kiểm tra dự đoán và tự kiểm soát sự hiểu: Tôi đã đạt được mục tiêu đọc chưa? Tôi đã biết/ học được gì từ chủ đề này? Dự đoán của tôi có chính xác không? Cách hiểu của tôi có căn cứ không? Cách đọc của tôi có kiến tạo nên nghĩa không? Có một cái gì đó mà tôi không hiểu nhỉ?...

Bước 3: Xác nhận/ bác bỏ tính đúng đắn của các dự đoán

- Học sinh đọc lại văn bản, trên cơ sở dẫn chứng từ văn bản để xác định các dự đoán đúng, bác bỏ các dự đoán sai.

Để học sinh thành thạo được chiến thuật này, giáo viên cần làm mẫu trước, sau đó để học sinh độc lập thực hành và tự kiểm soát quá trình tư duy của mình trong các tình huống đọc mới.

** Dùng kĩ thuật KWL để hướng dẫn học sinh khám phá văn bản đọc*

Biểu đồ K–W–L do Donna Ogle đề xuất năm 1986, đầu tiên được sử dụng như một kĩ thuật, một mô hình dạy học văn bản, sau đó được áp dụng cho học sinh trong quá trình tự học [3]. K–W–L gồm 3 cột cũng là 3 bước: Học sinh bắt đầu bằng việc động não và điền những gì các em đã biết về chủ đề bài đọc vào cột K; sau đó nêu những điều các em muốn biết thêm về chủ đề này vào cột W; trong/ sau khi học xong, học sinh sẽ tự trả lời các câu hỏi trên vào cột L,

* Giải thích thuật ngữ:

- K (Know): Những điều đã biết

- W (Want): Những điều muốn biết

- L (Learned): Những điều đã học được

KWL là sơ đồ liên hệ giữa các kiến thức đã biết liên quan đến bài học (K), các kiến thức muốn biết (W) và các kiến thức học được sau bài học (L).

* Cách tiến hành:

- Bước 1: Phát phiếu học tập “KWL”

(Sau khi giáo viên đã giới thiệu bài học và mục tiêu cần đạt của bài học)

- Bước 2: Hướng dẫn học sinh điền các thông tin vào phiếu

Tên bài học/ chủ đề:.....

Tên học sinh/ nhóm:..... Lớp:.....

K (Những điều đã biết)	W (Những điều muốn biết)	L (Những điều đã học được)

- Bước 3: Học sinh điền các thông tin vào cột K và W trên phiếu
- Bước 4: Học sinh điền nốt cột L sau khi học xong bài

Mục đích của bước 3 một mặt là để khơi gợi kiến thức nền – tức những hiểu biết của học sinh về những vấn đề liên quan đến văn bản sắp đọc; một mặt là để cho giáo viên biết được các em nắm văn bản đến đâu, các em muốn biết, muốn học và quan tâm đến điều gì từ văn bản để có những hướng giúp học sinh tiếp cận văn bản một cách hiệu quả.

c. Điều kiện để thực hiện biện pháp

- Nếu học sinh làm việc theo nhóm, cần trao đổi thống nhất về những điều đã biết trước khi điền vào cột K.

- Có thể đưa ra các câu hỏi gợi ý (nếu cần) để học sinh điền vào cột K, W.

Ví dụ:

- + Con đã biết những kiến thức, kĩ năng nào liên quan đến nội dung của bài học?
- + Con cần biết những kiến thức, kĩ năng nào ở bài học này?

- Cần quan tâm nhiều đến cột K như một biện pháp khơi gợi kiến thức nền. Làm tốt cột K, người giáo viên sẽ biết được học sinh hiểu văn bản ở mức độ nào. Từ đó người giáo viên có thể tổ chức giờ dạy đọc văn bản hiệu quả hơn.

2.5.2. Biện pháp 2: "Tác động vào nội dung khi dạy học đọc hiểu cho học sinh lớp 4"

2.5.2.1. Lựa chọn ngữ liệu dạy học đọc hiểu

a. Mục đích

Theo tác giả Phạm Phương Anh: “Trong tài liệu dạy học, ngữ liệu thường đảm nhận một, hai hoặc ba nhiệm vụ cùng lúc tùy theo mục tiêu, nội dung dạy học: Một đối tượng ngôn ngữ đơn thuần để học sinh và giáo viên thao tác trong quá trình học ngôn ngữ, văn chương với việc chú trọng khai thác các yếu tố cơ bản như cấu trúc ngữ pháp, từ vựng, ngôn từ, biện pháp tu từ... mà ngữ liệu đó có thể đáp ứng; một phương tiện cho việc truyền tải thông tin đến người đọc với việc chú trọng khai thác khả năng đọc hiểu, phân tích, tổng hợp, dự đoán thông tin của người đọc; một đối tượng làm bàn đạp cho sự tưởng tượng, sáng tạo, phát triển tư duy phản biện và suy nghĩ độc lập ở học sinh [5]. Với tầm quan trọng như vậy, việc lựa chọn ngữ liệu để sử dụng trong dạy học không đơn giản. Nó đòi hỏi nhà giáo dục khả năng nắm vững chương trình, mục tiêu bài học, trình độ của học sinh, kĩ năng ngôn ngữ, khả năng văn chương... để xem xét, phân tích và lựa chọn, biên soạn các ngữ liệu phù hợp cả về nội dung lẫn hình thức”.

b. Ý nghĩa

Chương trình Ngữ văn 2018 khẳng định: “Trong môn Ngữ văn, ngữ liệu là một bộ phận cấu thành của nội dung giáo dục, góp phần quan trọng trong việc hình thành, phát

triển ở học sinh những yêu cầu cần đạt về năng lực được nêu trong chương trình” [1]. Chương trình Ngữ văn 2018 chú trọng việc hình thành và phát triển cho học sinh năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học thông qua bốn kĩ năng: nghe, nói, đọc, viết. Trong dạy học đọc hiểu văn bản, ngữ liệu là các văn bản được sử dụng để dạy học sinh đọc theo đặc trưng thể loại, là công cụ giúp học sinh thực hành khả năng đọc hiểu văn bản và mở rộng phạm vi đọc. Ngữ liệu cũng là công cụ để giáo viên đánh giá khả năng đọc hiểu văn bản của học sinh. Như vậy, có thể thấy, trong dạy học đọc hiểu văn bản ở trường phổ thông, ngữ liệu là yếu tố không thể thiếu. Nó vừa được coi là nội dung vừa được coi là phương tiện dạy học.

c. Điều kiện để thực hiện biện pháp

Theo quy định của Chương trình Ngữ văn 2018 [1], để đáp ứng yêu cầu hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh, ngữ liệu được lựa chọn cần bảo đảm các tiêu chí sau:

- Lựa chọn ngữ liệu đảm bảo mục tiêu hình thành và phát triển năng lực đọc hiểu cho học sinh: Ngữ liệu giúp học sinh đọc hiểu được nội dung văn bản, hình thức văn bản, biết liên hệ, so sánh, kết nối văn bản theo yêu cầu cần đạt. Ngữ liệu chứa được kiến thức tiếng Việt, kiến thức văn học.

- Lựa chọn ngữ liệu đảm bảo những định hướng giáo dục: Phải đầy đủ các ngữ liệu theo từng chủ điểm. Ngữ liệu phải có mối quan hệ với nhau theo hướng đồng tâm và phát triển. Ngữ liệu gần gũi, tự nhiên, giúp học sinh dễ đọc, dễ nhớ, dễ hiểu nội dung, dễ thực hiện các thao tác tiếp theo để hình thành năng lực đọc hiểu.

- Lựa chọn ngữ liệu đảm bảo tính đa dạng, hệ thống: Đảm bảo tính đồng tâm và phát triển các kĩ năng đọc hiểu (đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức, liên hệ, so sánh, kết nối; đọc mở rộng). Đảm bảo tính phong phú, đa dạng về các chủ điểm, phong phú và đa dạng về kiến thức tiếng Việt, kiến thức văn học, thể loại, phong cách, thể hiện văn bản.

- Lựa chọn ngữ liệu đảm bảo tính thực tiễn: Xác định cụ thể mục tiêu của mục tiêu từng tuần, từng bài, từng hoạt động giáo dục, từ đó xác định các kĩ năng cơ bản, kĩ năng cụ thể. Căn cứ vào mục tiêu, căn cứ vào kĩ năng cơ bản và cụ thể để lựa chọn ngữ liệu tương ứng, phù hợp, đảm bảo đủ các chủ điểm. Ngữ liệu lựa chọn phải bảo đảm tính vừa sức đối với năng lực ngôn ngữ, đặc điểm tư duy, vốn sống của học sinh.

- Lựa chọn ngữ liệu đảm bảo tính tích hợp: việc lựa chọn ngữ liệu phải có tính tích hợp, góp phần giải quyết mối quan hệ với tự nhiên, xã hội, môi trường và hướng đến việc hình thành kĩ năng sống, phẩm chất mà Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể yêu cầu.

2.5.2.2. Các dạng bài tập dạy học đọc hiểu

a. Bài tập nhận diện

Đây là loại bài tập nhằm giúp học sinh tái hiện lại những từ ngữ, chi tiết, hình ảnh, câu, đoạn quan trọng trong các bài tập đọc. Bài tập nhận diện có mục đích làm cầu nối để dẫn dắt học sinh tìm hiểu các vấn đề mang tính chất phát hiện và sáng tạo. Bài tập nhận diện được dùng khi học sinh tham gia quá trình đọc giải mã, nhận diện các đơn vị ngôn ngữ, tái hiện hình tượng, nhận diện nhân vật, nắm bắt tình tiết và hình dung bức tranh miêu tả trong văn bản nghệ thuật. Bài tập nhận diện còn được sử dụng trong quá trình giáo viên dẫn dắt học sinh tìm hiểu những từ ngữ, hình ảnh then chốt, những biện pháp nghệ thuật nhằm làm rõ ý và nghĩa của văn bản.

Đối với văn bản truyện, bài tập nhận diện bao gồm:

- Bài tập nhận diện đề tài
- Bài tập nhận diện từ ngữ
- Bài tập nhận diện câu quan trọng
- Bài tập nhận diện bối cảnh

Còn ở văn bản thơ/ miêu tả, có 3 loại bài tập nhận diện đó là:

- Bài tập nhận diện từ ngữ
- Bài tập nhận diện hình ảnh, chi tiết
- Bài tập nhận diện khổ/ đoạn thơ

Ví dụ 1: Tìm trong bài thơ những từ ngữ chỉ màu sắc của mỗi sự vật dưới đây: *hoa hồng, nắng, đêm, lá cây, hoàng hôn, rừng đại ngàn*.

(Bài “*Vẽ màu*” – Bảo Ngọc, tập 1. tr.77)

Với bài tập này, học sinh phải đọc toàn bộ bài thơ, sau đó tiến hành thao tác phân tích, lựa chọn những từ ngữ thích hợp có mặt trong bài thơ. Học sinh có thể lập bảng như sau:

STT	Sự vật	Màu sắc
1	Hoa hồng	Màu đỏ
2	Nắng	Màu vàng
3	Đêm	Màu đen (mực)
4	Lá cây	Màu xanh
5	Hoàng hôn	Màu tím
6	Rừng đại ngàn	Màu nâu

Ví dụ 2: Câu văn nào nói về tài năng của Phạm Ngũ Lão khi còn nhỏ?

(Bài “*Chàng trai làng Phù Ủng*” – tập 2. tr.51)

Đây là bài tập nhận biết đơn giản, học sinh có thể dễ dàng tìm ra câu trả lời. Học sinh có thể thảo luận nhóm bàn, tìm vị trí đoạn văn nhắc đến chi tiết trên. Ở đây câu văn nói về tài năng của Phạm Ngũ Lão là câu thứ 3 trong đoạn 1: *Từ nhỏ, ông đã nổi tiếng thông minh, văn võ song toàn, chí khí khác thường.*

Ví dụ 3: Khổ thơ nào cho thấy ngay từ thuở ấu thơ, bạn nhỏ đã được nghe mẹ kể chuyện cổ tích, hát ru những bài ca dao?

(Bài “*Trong lời mẹ hát*” – Trương Nam Hương, tập 2. tr.59)

Để làm bài tập này, học sinh tiến hành thao tác phân tích, so sánh các đoạn thơ có trong bài, sau đó lựa chọn đoạn thơ phù hợp nhất. Trong bài này, ngay ở khổ thơ đầu tiên đã chỉ ra biết từ thuở ấu thơ, bạn nhỏ đã được nghe mẹ kể chuyện cổ tích, hát ru những bài ca dao.

Tuổi thơ chờ đầy cổ tích

Dòng sông lời mẹ ngọt ngào

Đưa con đi cùng đất nước

Chòng chành nhịp võng ca dao.

Như vậy, loại bài tập nhận diện vừa giúp cho học sinh nhận biết được những từ ngữ, hình ảnh quan trọng của bài tập đọc vừa giúp cho các em có ấn tượng về các giá trị nghệ thuật được sử dụng trong bài tập đọc đó. Trong thực tế, các bài tập nhận diện còn mang thêm nhiệm vụ cắt nghĩa hoặc phản hồi nhằm làm tăng độ khó của bài tập cho phù hợp hơn với đối tượng học sinh khá – giỏi.

b. Bài tập làm rõ nghĩa

Dựa vào những từ ngữ, hình ảnh tìm được trong các bài tập nhận diện, giáo viên đưa ra các bài tập nhằm giúp cho học sinh hiểu nghĩa của các từ ngữ, hình ảnh đó. Những bài tập này đòi hỏi học sinh phải có khả năng khái quát, tổng hợp để giải quyết vấn đề. Thông thường các bài tập nhằm giải quyết một chi tiết nhỏ sau đó mới yêu cầu học sinh tổng hợp lại và phát biểu được ý chính của đoạn, của một bài một cách trọn vẹn. Do vậy nếu không có khả năng khái quát, tổng hợp thì học sinh sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong khi tìm nội dung của bài tập đọc.

Ở văn bản truyện, bài tập làm rõ nội dung văn bản bao gồm các dạng:

- Bài tập làm rõ nhân vật
- Bài tập làm rõ chi tiết, cốt truyện
- Bài tập làm rõ thái độ, tình cảm tác giả

Ở văn bản thơ/ miêu tả gồm có:

- Bài tập làm rõ nghĩa từ ngữ
- Bài tập làm rõ nghĩa hình ảnh, chi tiết
- Bài tập làm rõ nghĩa khổ/ đoạn.

Ví dụ 1: Cụm từ “thoắt cái” lặp lại nhiều lần trong đoạn miêu tả cảnh thiên nhiên ở Sa Pa muốn nhấn mạnh điều gì? Tìm câu trả lời đúng.

- A. Bốn mùa xuân hạ thu đông nối tiếp nhau trôi đi rất nhanh.
- B. Cảnh vật thiên nhiên và thời tiết ở Sa Pa thay đổi từng ngày.
- C. Một ngày ở Sa Pa như trải qua nhiều mùa, tạo cảm giác bất ngờ, thú vị.
- D. Một ngày ở Sa Pa rất dài, có đủ bốn mùa.

“Hôm sau chúng tôi đi Sa Pa. Phong cảnh ở đây thật đẹp. Thoắt cái, lá vàng rơi trong khoảnh khắc mùa thu. Thoắt cái, trắng long lanh một cơn mưa tuyết trên những cành đào, lê, mận. Thoắt cái, gió xuân hây hây nồng nức với những bông hoa lay ơn màu đen nhung hiếm quý.”

(Bài “Đường đi Sa Pa” – Nguyễn Phan Hách, tập 2. tr.106)

Bài tập đã đưa ra ngữ liệu nên học sinh cần phải đọc kĩ dữ liệu đã có, phân tích để tìm hiểu nội dung của đoạn văn miêu tả cảnh thiên nhiên ở Sa Pa. Để hiểu được lí do tại sao cụm từ “thoắt cái” lặp lại nhiều lần, học sinh phải tiến hành thao tác phân tích đoạn văn, từ đó các em phân tích tác dụng của việc lặp lại cụm từ trên. Trước hết, học sinh cần hiểu nghĩa của từ “thoắt cái”, đây là cụm từ gợi tả cảm xúc đột ngột, ngỡ ngàng, nhấn mạnh sự thay đổi nhanh chóng của thời gian đến mức bất ngờ, làm nổi bật vẻ đẹp nên thơ của sự biến đổi về cảnh sắc thiên nhiên ở Sa Pa. Từ việc phân tích nghĩa của cụm từ, học sinh có thể dễ dàng nhận thấy đáp án C là câu trả lời đúng.

Ví dụ 2: Tìm trong bài câu thơ có sử dụng biện pháp nhân hoá và cho biết tác dụng của biện pháp nhân hoá trong câu thơ đó.

(Bài “Ngày hội” – Định Hải, tập 2. tr.131)

Để làm được bài tập này, học sinh phải nhớ lại những kiến thức đã học về biện pháp nhân hóa, trên cơ sở đó chỉ ra hình ảnh được nhân hóa trong câu thơ. Tiếp theo, các em phải tiến hành thao tác phân tích để tìm ra cái hay của biện pháp này trong hoàn cảnh cụ thể của văn bản. Câu thơ có sử dụng biện pháp nhân hóa đó là “*Một lời nhắn với chim*”. Ở đây chim bồ câu đã được nhân hóa để tiếp nhận lời nhắn của các bạn thiếu nhi. Phép nhân hóa này giúp cho câu thơ trở nên sinh động, chim bồ câu như người bạn gần gũi, thân thiết của con người.

Ví dụ 3: Đoạn kết của câu chuyện cho biết Tú đã nhận ra điều gì và sẽ thay đổi như thế nào?

Bạn về rồi, Tú vẫn ngồi lặng như thế. Tú nhớ lại bao lần anh gọi, Tú đã trả lời “Cái gì?” và cần nhần “Kêu chi kêu hoài”. Tú hồi hận quá, chỉ mong anh gọi để Tú “dạ” một tiếng thật to, thật lễ phép. Con vẹt nhìn Tú, dường như cũng biết lỗi nên xù lông cổ, rụt đầu, gù một cái nghe như tiếng: “Dạ!”.

(Bài “Con vẹt xanh” – Lý Lan, tập 1. tr.55)

Ở bài tập này, học sinh cần đọc kĩ đoạn cuối của câu chuyện và tiến hành phân tích, chọn ra được các ý chính để trả lời câu hỏi. Đoạn kết của câu chuyện cho biết Tú đã nhận ra trước giờ mình vẫn luôn nói trống không và cần nhần với anh mỗi khi anh gọi. Tú hồi hận và chỉ mong có cơ hội thay đổi để trở thành một đứa trẻ thật ngoan và lễ phép.

Ví dụ 4: Theo em, tác giả muốn nói điều gì qua câu chuyện trên?

(Bài “Trước ngày xa quê” – Kao Sơn, tập 1. tr.66)

Để làm được bài tập này, học sinh phải nhớ lại toàn bộ câu chuyện, sau đó các em tìm nghĩa tường minh của bài (tìm xem tác giả miêu tả điều gì qua câu chuyện đó). Học sinh phải có khả năng phân tích, tổng hợp mới có thể nêu một cách ngắn gọn nhưng đầy đủ nội dung của cả câu chuyện. Đây là một câu hỏi mở, giáo viên nên khích lệ học sinh phát biểu theo cảm nhận của mình. Các em có thể có nhiều ý kiến khác nhau. Tuy nhiên, giáo viên có thể hướng các em đến những thông điệp của câu chuyện. Ví dụ, quê hương là nơi mỗi người sinh ra và lớn lên, là nơi mà người ta gắn bó máu thịt. Kỷ niệm, kí ức về quê hương thường rất sâu đậm và đẹp đẽ. Vì vậy, nếu phải xa quê, ai cũng thấy nhớ và có thể buồn nữa.

Vậy, bài tập làm rõ nghĩa thường có tính chất phân tích, khái quát, tổng hợp, trong nó chứa đựng tình huống có vấn đề và thường hướng học sinh vào việc khái quát ý, đoạn hoặc khái quát tư tưởng chủ đề.

c. Bài tập hỏi đáp

Đây là loại bài tập thể hiện khả năng cảm nhận và đánh giá của học sinh về các bài tập đọc. Dạng bài tập này đòi hỏi học sinh phải có khả năng suy luận, phán đoán, liên hệ thực tế và có vốn kiến thức cần thiết về văn bản. Học sinh tiểu học thường gặp khó khăn trong việc giải quyết các bài tập dạng này vì vậy trong khi đưa ra bài tập giáo viên cần phải đảm bảo tính logic của cách hỏi, nên dự kiến trước câu trả lời của học sinh để chỉnh sửa bài tập cho phù hợp. Các bài tập phải đảm bảo ngắn gọn, tránh tình trạng dài dòng gây khó khăn cho học sinh trong việc hiểu nội dung câu hỏi. Bài tập phản hồi có tác dụng kích thích hứng thú học tập của học sinh một cách cao nhất, đặc biệt là với đối tượng học sinh có năng lực.

Bài tập hỏi đáp gồm có các dạng:

- Bài tập phản hồi, đánh giá

- Bài tập liên hệ

Bài tập phản hồi, đánh giá hay bài tập phê phán, là những bài tập học sinh phải thể hiện chính kiến của mình trước một vấn đề nào đó. Những bài tập này yêu cầu học sinh phải trả lời được câu hỏi: Nên (không nên)... Vì sao? Học sinh biết lên án cái ác, cái xấu; ca ngợi, bảo vệ cái tốt, cái đẹp. Thông qua bài tập này, học sinh học những điều nên hay không nên làm trong cuộc sống, tự hình thành và phát triển nhân cách bản thân mà không cần giáo viên phải đưa ra những bài học đạo đức khô cứng.

Ví dụ: Nêu cảm nghĩ của em về hình ảnh bạn nhỏ mơ mình và các bạn bám vào những quả bóng ước mơ bay lên trời xanh.

(Bài “*Bay cùng ước mơ*” – Văn Thành Lê, tập 1. tr.109)

Để làm được bài này, học sinh phải nắm được nội dung, hiểu ý nghĩa giáo dục của bài tập đọc. Từ đó, tiến hành phân tích, nêu cảm nhận của bản thân. Học sinh có thể nêu những ý kiến khác nhau, giáo viên nên khuyến khích học sinh thoải mái nêu ý kiến của mình, không theo khuôn mẫu cho trước. Ví dụ, đó là hình ảnh rất đẹp, tượng trưng cho những ước mơ của những bạn nhỏ luôn bay thật cao, thật xa. Ước mơ càng bay cao, bay xa thì các bạn nhỏ sẽ càng cố gắng thực hiện ước mơ để có một cuộc sống tốt đẹp hơn. Ngoài ra, giáo viên có thể nói thêm: Ước mơ của mỗi người đều rất phong phú. Khi còn nhỏ, ta ước mơ được làm chú bộ đội, bác sĩ, giáo viên... - là những người ta nhìn thấy xung quanh, hàng ngày. Lớn lên một chút, ta hiểu hơn về công việc của bố mẹ và ước mơ được làm nghề giống bố mẹ. Khi lớn hơn nữa, biết nhiều thứ hơn, gặp nhiều người thú vị hơn, ta lại tiếp tục thay đổi ước mơ. Như vậy, ước mơ sẽ thay đổi theo nhận thức và suy nghĩ của chúng ta. Nhưng dù có thay đổi bao nhiêu lần, thì có một điểm chung giữa các ước mơ là luôn hướng con người tới những điều tốt đẹp. Việc thay đổi ước mơ là việc rất bình thường và đáng yêu của trẻ nhỏ. Ước mơ càng bay cao, bay xa, thì tương lai sẽ càng có khả năng tốt đẹp.

Dạy học theo xu hướng tích hợp đang là một trong những mục tiêu dạy học tiểu học hiện nay. Vì vậy, trong các tiết dạy, giáo viên thường cố liên hệ nội dung đang dạy với nội dung có liên quan trong các môn học khác. Nội dung chương trình tiểu học hiện nay cũng xây dựng nhằm đảm bảo yêu cầu này.

Hiện nay, các giáo viên coi câu hỏi liên hệ là một phần không thể thiếu trong các tiết học. Cuối mỗi bài học nếu giáo viên không đưa ra được ít nhất một câu hỏi nhằm mục đích liên hệ thì coi như tiết học đó bị đánh giá là chưa đầy đủ. Vì vậy, cho dù nhiều bài học không cần phải liên hệ thực tế nhưng giáo viên vẫn phải cố đưa ra câu hỏi cho học sinh. Vì vậy, nhiều bài học vô tình trở thành một bài giảng đạo đức hoặc một bài giáo dục về vấn đề nào đó. Điều này đã vô tình làm giảm giá trị của các tác phẩm văn học, khiến cho học sinh không còn thấy hứng thú với văn học nữa.

Bài tập liên hệ được chia ra bài tập liên hệ thực tế và bài tập liên hệ bản thân. Bài tập liên hệ thực tế đòi hỏi học sinh phải có những hiểu biết nhất định, những kiến thức không có trong nội dung bài học. Những kiến thức, những hiểu biết đó có thể học sinh đã học được trong cuộc sống hàng ngày ở gia đình, nhà trường, bạn bè hoặc trong nội dung các bài học khác, các môn học khác... Đồng thời các em phải biết vận dụng những hiểu biết đó vào bài làm của mình một cách linh hoạt.

Ví dụ: Kể lại một câu chuyện về Bác Hồ mà em đã đọc hoặc đã nghe.

(Bài “*Anh Ba*” – Trần Dân Tiên, tập 1. tr.135)

Để làm được bài tập này, trước hết học sinh sẽ lựa chọn câu chuyện về Bác Hồ mà mình định kể. Sau đó nhớ lại nội dung câu chuyện, sắp xếp các sự việc diễn ra trong câu chuyện theo trình tự rồi kể vắn tắt câu chuyện trong cặp hoặc trong nhóm. Giáo viên sẽ mời học sinh lên kể chuyện trước lớp theo tinh thần xung phong. Bài tập này không chỉ rèn cho học sinh khả năng vận dụng những hiểu biết về cuộc đời Bác Hồ mà còn giúp cho học sinh củng cố kiến thức về ngữ pháp, giáo dục cho các em tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc...

Bài tập liên hệ bản thân là những bài tập yêu cầu học sinh nói về những hành động mà bản thân các em có thể làm, đã làm, nên làm hoặc cần phải làm... Những câu hỏi liên hệ bản thân thường có dạng như: “Em sẽ làm gì?”, “Em nên làm gì?”, “Em cần làm gì?”...

Ví dụ: Nếu là một công dân ở Vương quốc Tương Lai, em muốn sáng chế vật gì?

(Bài “*Ở Vương quốc Tương Lai*” – tập 1. tr.125)

Ở bài tập này, học sinh sẽ phải suy nghĩ, tưởng tượng, hình dung mình đang sống ở Vương quốc Tương Lai, được tự mình sáng chế những vật kì diệu. Học sinh sẽ kể ra những vật mà bản thân muốn sáng chế cho các bạn trong nhóm trước, sau đó giáo viên sẽ khích lệ học sinh nêu điều mà các em tưởng tượng trước lớp, Ví dụ, nếu là một công dân ở Vương quốc Tương Lai, em muốn sáng chế một chiếc ô tô biết bay để giúp đường phố đỡ tắc nghẽn hơn và trải nghiệm ngồi trên ô tô biết bay cũng khá là thú vị.

2.5.3. Biện pháp 3: “Tác động vào phương pháp khi dạy học đọc hiểu cho học sinh lớp 4”

2.5.3.1. Tác động vào tổ chức thực hiện các bài tập đọc hiểu

*** Trò chơi**

a. Mục đích

Trò chơi sẽ có tác dụng giúp học sinh:

+ Tăng cường khả năng chú ý nắm bắt nội dung bài học phát huy tính năng động của các em.

- + Nâng cao hứng thú cho người học, góp phần làm giảm mệt mỏi, căng thẳng trong học tập của học sinh. Phát triển tính độc lập, ham hiểu biết và khả năng suy luận.
- + Tăng cường khả năng thực hành, vận dụng các kiến thức đã học.
- + Thu hút cả lớp theo dõi tham gia các hoạt động.

b. Ý nghĩa

Trò chơi là phương tiện có ý nghĩa trong việc góp phần thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo và gây hứng thú trong giờ học của học sinh. Ngoài ra thông qua hoạt động trò chơi còn giúp các em phát triển được nhiều phẩm chất đạo đức như tình đoàn kết, thân ái, lòng trung thực, tinh thần cộng đồng trách nhiệm. Do vậy quan điểm “Thông qua hoạt động vui chơi để tiến hành hoạt động học tập” là phù hợp với từng lứa tuổi, từng môn học đặc biệt là đối với đọc hiểu văn bản.

c. Cách tiến hành

** Quy trình tổ chức*

Quy trình tổ chức trò chơi trong dạy học đọc hiểu có thể thực hiện theo các bước sau:

- Tên trò chơi: Phong phú, cụ thể, đảm bảo phù hợp với mục tiêu của hoạt động. Ngắn gọn, kích thích óc tìm tòi, thu hút sự chú ý của học sinh.
- Mục đích của trò chơi: Trả lời cho câu hỏi “Trò chơi sử dụng để làm gì?”. Mục đích phải được nêu rõ ràng, mạch lạc, cụ thể. Giáo viên cần nêu rõ trước lớp, sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu, dễ nhớ.
- Thời gian, địa điểm: giáo viên cần xác định rõ trò chơi sẽ được tổ chức ở đâu, vào thời gian cụ thể nào.
- Chuẩn bị về cơ sở vật chất: Phân công cụ thể, giáo viên chuẩn bị những gì, học sinh chuẩn bị những gì. Trước mỗi hoạt động cần kiểm tra lại về cơ sở vật chất cho hoạt động (có hư hỏng, thiếu hụt hay không?) để kịp thời sửa chữa và bổ sung, tránh việc hoạt động bị gián đoạn.
- Nội dung trò chơi, luật chơi: Nội dung của trò chơi phải phong phú, đa dạng, liên quan tới nội dung của bài học trước hoặc khối kiến thức đã học; luật chơi phải rõ ràng, công bằng và phải được công bố trước lớp. Giáo viên cần sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu, dễ nhớ. Đảm bảo mỗi cá nhân học sinh đều hiểu và áp dụng được.
- Cách tiến hành: Tùy vào mỗi trò chơi có thể áp dụng từng bước hoặc rút ngắn các bước tiến hành. Không nên máy móc, rập khuôn. Cần linh hoạt trong quá trình tổ chức hoạt động.
- Kết thúc: giáo viên cần có lời tóm lược lại ý nghĩa của trò chơi. Đồng thời có những lời nhận xét, đánh giá cụ thể về hoạt động, tinh thần của học sinh tham gia hoạt động.

Phải luôn có những lời khích lệ, cổ vũ các em để các em cố gắng và hào hứng hơn với các hoạt động tiếp theo.

** Cách tiến hành trò chơi*

Bước 1: Giáo viên giới thiệu tên, mục đích của trò chơi.

Bước 2: Hướng dẫn chơi. Bước này bao gồm những việc làm sau:

- Tổ chức người tham gia trò chơi: Số người tham gia, số đội tham gia (mấy đội chơi), quân trò, trọng tài.

- Các dụng cụ dùng để chơi (giấy khổ to, quân bài, thẻ từ, cờ...)

- Cách chơi: Từng việc làm cụ thể của người chơi hoặc đội chơi, thời gian chơi, những điều người chơi không được làm...

- Cách xác nhận kết quả và cách tính điểm chơi, cách giải của cuộc chơi. (nếu có)

Bước 3: Thực hiện trò chơi.

Bước 4: Nhận xét sau cuộc chơi. Bước này bao gồm những việc làm sau:

- Giáo viên hoặc trọng tài là học sinh nhận xét về thái độ tham gia trò chơi của từng đội, những việc làm chưa tốt của các đội để rút kinh nghiệm.

+ Trọng tài công bố kết quả chơi của từng đội, cá nhân và trao phần thưởng cho đội đoạt giải.

+ Một số học sinh nêu kiến thức, kỹ năng trong bài học mà trò chơi đã thể hiện.

d. Điều kiện để thực hiện biện pháp

Khi lựa chọn trò chơi, giáo viên cần chú ý tuân thủ các nguyên tắc sau:

- *Đảm bảo tính giáo dục:* Trò chơi phải nhằm mục đích củng cố, khắc sâu nội dung bài học. Trò chơi phải phù hợp với tâm sinh lý học sinh lớp 4, phù hợp với khả năng người hướng dẫn và cơ sở vật chất của nhà trường.

- *Đảm bảo tính mục tiêu:*

+ Mục đích của trò chơi phải thể hiện mục tiêu của bài học hoặc một phần của chương trình.

+ Hình thức chơi đa dạng giúp học sinh được thay đổi các hoạt động học tập trên lớp, giúp học sinh phối hợp các hoạt động trí tuệ với các hoạt động vận động.

+ Luật chơi đơn giản để học sinh dễ nhớ, dễ thực hiện. Cần đưa ra các cách chơi có nhiều học sinh tham gia để tăng cường kỹ năng học tập hợp tác.

+ Các dụng cụ chơi cần đơn giản, dễ làm hoặc dễ tìm kiếm tại chỗ.

- *Đảm bảo tính vừa sức:*

- + Chọn quần trò chơi có năng lực phù hợp với yêu cầu của trò chơi.
- + Tổ chức chơi vào thời gian thích hợp của bài học để vừa làm cho học sinh hứng thú học tập vừa hướng cho học sinh tiếp tục tập trung các nội dung khác của bài học một cách có hiệu quả.
- + Lựa chọn những trò chơi phù hợp với nội dung bài học, dễ chơi để tổ chức.
- + Khi tổ chức trò chơi giáo viên chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ cần thiết phục vụ cho trò chơi sinh động hơn.
- + Chọn trò chơi phù hợp để các em đều chơi được.

- *Đảm bảo tính khả thi* : Giúp học sinh qua hoạt động học tập là trò chơi để tiếp thu và hiểu bài tốt nhất đồng thời cũng hình thành cho các em về: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hoạt động tương tác giữa các cá nhân trong lớp thông qua trò chơi. Đối với học sinh Tiểu học, vui chơi vẫn là nhân tố quan trọng trong hoạt động của học sinh. Với nhiều cách chơi khác nhau sẽ giúp học sinh “học mà chơi, chơi mà học”. Học sinh thêm hứng thú học tập và tiếp thu bài tốt hơn. Vì thế cùng với các phương pháp khác, trò chơi học tập là phương pháp nhằm tích cực hoá đối tượng học sinh.

Trò chơi học tập là nhằm phát huy tính tích cực, tính chủ động, tính sáng tạo của học sinh trong học tập.

Trò chơi nói chung và trò chơi học tập nói riêng giúp học sinh phát triển toàn diện về: Đức – trí – thể – mỹ.

- *Đảm bảo tính hiệu quả*: Giúp học sinh qua hoạt động học tập dạng trò chơi để tiếp thu và hiểu bài tốt nhất đồng thời cũng hình thành cho các em về: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hoạt động tương tác giữa các cá nhân trong lớp. Kỹ năng trao đổi thông tin, trình bày và tiếp nhận thông tin, tìm kiếm thông tin. Kỹ năng làm việc có trách nhiệm trong môi trường hợp tác. Khả năng phối hợp với người khác để cùng hoàn thành công việc. Giúp các em học sinh thấy vui trong học tập, rèn tính nhanh nhẹn, cởi mở, tiếp thu bài một cách tự giác, củng cố kiến thức một cách có hệ thống, tăng cường sự giao tiếp trong lớp. Có thái độ về ý thức hợp tác trong công việc, tự chịu trách nhiệm trong mỗi trò chơi, tôn trọng thành quả lao động của người khác, cùng người khác hướng tới một mục đích hoạt động chung, niềm vui cũng là niềm vui chung, thất bại cũng là của chung để từ đó biết đặt lợi ích của tập thể lên trên lợi ích cá nhân.

- *Đảm bảo tính khoa học và sư phạm*: Việc lựa chọn trò chơi phải đáp ứng những yêu cầu của tiết dạy đọc hiểu. Các trò chơi phải đặt ra cho học sinh các nhiệm vụ học tập tương ứng với nội dung dạy học. Mỗi trò chơi cần có một vị trí đóng góp cụ thể trong tiến trình thực hiện mục đích dạy học. Vì vậy, để đáp ứng yêu cầu dạy học phân môn đọc hiểu cần phải hệ thống các trò chơi phải được lựa chọn sao cho đa dạng về chủ đề, phong phú về cách chơi. Dựa vào hình thức, cách chơi và luật chơi của trò chơi có thể thay thế các

trò chơi một cách linh hoạt từ sự thay thế linh hoạt tạo cho giáo viên có cơ hội tổ chức trò chơi phù hợp với đối tượng học sinh của mình. Để từ đó các em cảm thấy: “Học mà vui, vui mà học”. Lựa chọn trò chơi phải đảm bảo các yếu tố: lứa tuổi, vừa sức; áp dụng vào khi nào trong tiến trình bài dạy và trong chương trình học.

+ Có thể cho trò chơi trước khi kết thúc tiết học. Cách này có ưu điểm là kích thích được sự hứng thú học tập của học sinh, giờ học tránh được không khí suy nghĩ căng thẳng trở thành “Vui mà học, học mà chơi” hết sức sinh động.

+ Có thể cho trò chơi sau khi hoàn thành một bài học hay sau mỗi lần chuyển tiết. Với cách này sẽ giúp cho học sinh hệ thống lại kiến thức một cách sinh động và hiệu quả. Giáo dục các em phát triển các kỹ năng và thái độ trong cuộc sống cũng như trong học tập hằng ngày.

*** Câu đố**

a. Mục đích

Với tiểu học những câu đố cho học sinh rất hữu ích trong quá trình rèn luyện trí thông minh và nhận thức thế giới xung quanh. Những câu đố vui dành cho trẻ thường là về thiên nhiên, về phương tiện giao thông, về con vật, đồ vật và những thứ rất gần gũi trong cuộc sống hàng ngày. Để phát triển tư duy cho học sinh thì có rất nhiều phương pháp. Trong đó cho các em học và chơi những câu đố về những chủ đề khác nhau là phương pháp vô cùng hữu hiệu trong quá trình dạy học đọc hiểu.

- Rèn luyện tư duy: Khi học sinh cố gắng suy nghĩ để tìm ra lời giải đáp cho những câu hỏi – đây là yếu tố kích thích bộ não trẻ làm việc, liên tưởng nhiều hơn đến các sự vật và hiện tượng xung quanh mình. Nếu được định hướng rõ ràng, trẻ sẽ học được cách tư duy tiến bộ, sáng tạo, tạo tiền đề học tập ở các cấp độ cao hơn.

- Gia tăng kiến thức về cuộc sống: Các câu đố chứa đựng kiến thức về cuộc sống xung quanh. Học sinh càng biết nhiều thì càng biết cách giải câu đố. Sau mỗi câu đố vui như vậy, các em sẽ tích lũy thêm nhiều kiến thức mới bổ sung vào kho tàng hiểu biết của mình.

- Câu đố phát triển trí sáng tạo: Để giải được câu đố, các em bắt buộc nhìn vấn đề trên nhiều bình diện và khía cạnh khác nhau, tìm thấy điều mới mẻ từ những hiện tượng bình thường. Đây là kỹ năng tư duy cần thiết để phát triển khả năng sáng tạo cho các em sau này.

- Giải trí: Các câu đố vui cho học sinh thường có pha lẫn yếu tố hài hước, giúp cho các em cảm thấy thư giãn, thoải mái, thích thú, đặc biệt là cảm giác tự hào khi khám phá ra lời giải cho một câu đố nào đó.

- Phát triển kỹ năng giao tiếp: Các câu đố giúp trẻ rời xa những chiếc điện thoại, Ipad, màn hình tivi, để được “mặt đối mặt” nói chuyện với một người khác. Các em sẽ được nghe, phản hồi, tranh luận, trải qua nhiều cảm xúc thú vị cùng với những người tham gia vào hoạt động đố vui đó.

b. Ý nghĩa

Câu đố là một hình thức giải trí phổ biến được sử dụng để kích thích tư duy và tăng cường sự sáng tạo cho trẻ em, đặc biệt là đối tượng tiểu học. Dưới đây là một số ý nghĩa quan trọng của câu đố đối với trẻ em:

- Phát triển tư duy logic: Câu đố yêu cầu trẻ em suy nghĩ một cách logic để tìm ra câu trả lời. Việc này giúp phát triển khả năng tư duy và giải quyết vấn đề từ khi còn nhỏ.

- Nâng cao từ vựng và ngôn ngữ: Khi đặt ra câu hỏi mới hoặc phân giải câu đố, trẻ em sẽ tiếp xúc với nhiều từ vựng mới, từ đó mở rộng kiến thức ngôn ngữ.

- Khuyến khích sự sáng tạo: Việc tìm ra câu trả lời cho một câu đố thường đòi hỏi sự sáng tạo và linh hoạt. Đây là cơ hội tốt để trẻ học cách tư duy ngoài ra khỏi khung mạch thông thường.

- Tăng cường kỹ năng tập trung và kiên nhẫn: Để giải quyết câu đố, các em cần tập trung vào từng chi tiết và kiên nhẫn để tìm ra câu trả lời đúng.

- Học hỏi thông qua vui chơi: Câu đố giúp học sinh học hỏi một cách vui vẻ và thú vị. Thay vì cảm thấy nhàm chán, các em sẽ hứng thú hơn khi học qua việc giải câu đố.

- Khuyến khích sự tự tin: Khi trẻ giải quyết thành công một câu đố, học sinh sẽ cảm thấy tự tin hơn về khả năng tư duy của mình.

Tóm lại, câu đố không chỉ mang lại niềm vui cho học sinh mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển tư duy, ngôn ngữ và sự sáng tạo của các em. Đây là một phương pháp học hỏi thú vị và hiệu quả cho học sinh tiểu học.

c. Cách tiến hành

Sử dụng câu đố thường theo quy trình sau:

- Bước 1: Giáo viên phổ biến cách thực hiện với hoạt động giải câu đố
- Bước 2: Giáo viên đưa ra câu đố
- Bước 3: Tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm hay cá nhân để tìm lời giải đố
- Bước 4: Học sinh đưa ra câu trả lời giải đố trước lớp
- Bước 5: Giáo viên đưa ra đáp án chính xác cuối cùng
- Bước 6: Tổng kết hoạt động.
- Sử dụng câu đố kết hợp với phương pháp hỏi đáp. Có nhiều hình thức để vận dụng phương pháp hỏi-đáp nhưng thích hợp và phổ biến nhất là hình thức: giáo viên nêu ra

từng câu đố riêng lẻ cho mỗi cá nhân học sinh hoặc mỗi nhóm học sinh trả lời một câu. Hoặc có thể ra bài tập về nhà bằng các câu đố để học sinh nắm vững, hiểu sâu kiến thức hay để giúp cho việc chuẩn bị trước nội dung sẽ học trong bài học tiếp theo nhằm giúp bài dạy đạt hiệu quả cao.

- Sử dụng câu đố kết hợp với phương pháp trò chơi học tập. Trò chơi sử dụng câu đố trong dạy học đọc hiểu ở tiểu học rất phong phú và đa dạng như giải ô chữ có gợi ý bằng các câu đố, lựa chọn câu đố và hình ảnh tương ứng... Không nên tổ chức các trò chơi quá phức tạp hoặc quá đơn giản dễ gây nhàm chán. Trò chơi sử dụng câu đố trong dạy học đọc hiểu có thể tổ chức ở nhiều hoàn cảnh khác nhau: phần củng cố bài trong một tiết, bài ôn tập chủ đề, trong hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt tập thể...

d. Điều kiện để thực hiện biện pháp

Giáo viên sưu tầm, thiết kế các câu đố phù hợp với trình độ học sinh và phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Phải gắn liền với mục tiêu và nội dung bài học.
- Phải đảm bảo tính vừa sức và tạo hứng thú cho học sinh.
- Phải đảm bảo tính phong phú, đa dạng, đầy đủ về số lượng.
- Phải đảm bảo tính thừa kế và phát triển.
- Phải đảm bảo tính giáo dục và thẩm mỹ.

Giáo viên phải lựa chọn những câu đố có ngôn ngữ rõ ràng, dễ hiểu đối với các em, hình ảnh được sử dụng để ví von trong câu đố phải là những hình ảnh đẹp, trong sáng. Qua đó giáo dục thẩm mỹ, giúp các em biết yêu quý cái đẹp và sử dụng ngôn ngữ đẹp, văn minh.

Trong quá trình sử dụng câu đố cũng cần phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Xác định được mục đích sử dụng câu đố trong một tiết học.
- Xác định rõ cách tổ chức và các phương tiện trực quan đi kèm nếu có.
- Xác định thời điểm sử dụng câu đố thích hợp.
- Phải đảm bảo về số lượng câu đố trong mối tương quan giữa các yếu tố khác.
- Cần thu hút được mọi đối tượng học sinh tích cực tham gia vào hoạt động giải câu đố.

Để cho những kiến thức thực tế qua câu đố đi vào tư duy của các em được dễ dàng hơn thì người giáo viên nên sử dụng đồ dùng trực quan trong bài giảng có liên quan đến câu đố. Với những câu đố mà trong sách giáo khoa đã có tranh minh họa thì giáo viên có thể sử dụng hình thức gợi mở - vấn đáp – kết hợp với giảng giải để khai thác nội dung của bức tranh đó. Bên cạnh đó, giáo viên cũng nên tăng cường sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ vào dạy học như sử dụng các ứng dụng powerpoint, E-Learning... để trình chiếu

một số trò chơi có sử dụng câu đố ngay trên lớp học. Điều này tạo hứng thú học tập cho các em.

*** Đóng vai**

a. Mục đích

Đóng vai là đặt mình vào vị trí của một nhân vật giao tiếp nhất định trong hoàn cảnh giao tiếp nhất định để nói năng, hành xử phù hợp với tính cách của nhân vật trong hoàn cảnh ấy. Đóng vai có vai trò rất quan trọng để rèn các kĩ năng sử dụng tiếng Việt thông qua việc tổ chức cho học sinh tiến hành các hoạt động giao tiếp nghe – nói, hỏi – đáp. Đóng vai nhằm phát huy cao độ tính tự giác, độc lập và sáng tạo của người học. Phương pháp này đã được nhiều nước trên thế giới áp dụng và nhận được sự hưởng ứng tích cực của học sinh.

b. Ý nghĩa

Trong các phương pháp dạy học tích cực, đóng vai là phương pháp phù hợp với đặc trưng dạy - học của môn Ngữ văn. Đây là phương pháp tổ chức cho học sinh thực hành để trình bày những suy nghĩ, cảm nhận và ứng xử theo một vai giả định. Từ đó giúp học sinh suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách đứng từ chỗ đứng, góc nhìn của người trong cuộc, tập trung vào một sự kiện cụ thể mà các em quan sát được từ vai của mình.

Phương pháp đóng vai được thực hiện trong một số nội dung học tập sau: vào vai một nhân vật kể lại câu chuyện đã học, chuyển thể một văn bản văn học thành một kịch bản sân khấu, xử lý một tình huống giao tiếp giả định, trình bày một vấn đề, một ý kiến từ các góc nhìn khác nhau...

Vận dụng đóng vai trong quá trình dạy học có ý nghĩa rất lớn trong việc phát triển toàn diện học sinh, cụ thể là:

Thứ nhất: Làm phong phú thêm phương pháp dạy học cho giáo viên, góp phần tích cực vào xu thế đổi mới phương pháp dạy học ở các trường tiểu học. Giáo viên khi tổ chức dạy học lựa chọn được một phương pháp khoa học, phù hợp với nội dung bài học, với đối tượng học sinh là một trong những yếu tố quan trọng nâng cao chất lượng bài học đồng thời tạo hứng thú học tập cho học sinh. Nhiều giáo viên hiện nay vẫn vận dụng phương pháp thuyết trình là chủ yếu khiến cho học sinh không có nhiều cơ hội để phát triển tư duy sáng tạo. Trong khi đó, đóng vai là một phương pháp có khả năng kích thích tư duy sáng tạo của học sinh (Sáng tạo trong lựa chọn tình huống hoặc lựa chọn nhân vật, sáng tạo trong xây dựng kịch bản, trong cách thể hiện vai diễn...). Do vậy lựa chọn đóng vai kết hợp nhuần nhuyễn với các phương pháp dạy học truyền thống làm cho bài giảng thêm sinh động, góp phần nâng cao hứng thú học tập của học sinh và làm phong phú thêm phương pháp dạy học ở trường phổ thông.

Thứ hai: Giúp học sinh nhận thức sâu sắc hơn nội dung đang học, phát triển trí tuệ và giáo dục các phẩm chất nhân cách cho người học. Sử dụng đóng vai không chỉ giúp học sinh hình thành hệ thống kiến thức sát với mục tiêu cụ thể của bài học mà còn có vai trò lớn trong việc phát triển khả năng tư duy, khả năng sáng tạo, kích thích học sinh đưa ra nhiều ý tưởng mới trong bài học. Đặc biệt có thể nhấn mạnh, sử dụng đóng vai còn có tác dụng rất lớn giúp học sinh phát triển các kỹ năng thực hành, gắn lý luận với thực tiễn qua đó hình thành các năng lực và phẩm chất cho học sinh.

Thứ ba: Phương pháp đóng vai có tác dụng lớn trong việc nâng cao hứng thú, sự say mê và động cơ học tập cho học sinh. Đối với quá trình dạy học, mục tiêu bài học có đạt được hay không phụ thuộc rất nhiều vào thái độ, hứng thú học tập của học sinh. Hứng thú học tập, sự say mê học tập của học sinh sẽ hình thành tính tích cực, tự giác và thúc đẩy quá trình nhận thức. Sử dụng đóng vai là một phương pháp mang lại hiệu quả lớn trong việc nâng cao hứng thú học tập cho học sinh bởi vì mang lại cho người học một cảm giác mới lạ trong lớp học, không khí lớp học sôi nổi hơn, khi tham gia vào các hoạt động đóng vai, học sinh có trao đổi giao lưu với thầy cô, bạn bè, được thể hiện ý tưởng sáng tạo của mình, được hóa thân vào các nhân vật, được thể hiện năng khiếu, sở trường của bản thân.

Thứ tư: Phương pháp đóng vai có tác dụng trong việc giáo dục kỹ năng sống và định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

Kỹ năng giao tiếp: Trong quá trình chuẩn bị và thể hiện các vai diễn, học sinh có cơ hội giao lưu, tăng cường sự giao tiếp giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với tập thể từ đó giúp học sinh hình thành và rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử với bạn bè và những người xung quanh.

Kỹ năng thuyết trình: Thông qua quá trình chuẩn bị và thể hiện kịch bản, học sinh được rèn luyện kỹ năng thuyết trình trước đám đông, được rèn luyện cả ngôn ngữ nói và ngôn ngữ hình thể để hóa thân vào nhân vật. Nếu được thực hành nhiều lần, mỗi học sinh sẽ tự rút ra những bài học về kỹ năng thuyết trình và ngày càng tự tin hơn.

Kỹ năng giải quyết tình huống: Thông qua đóng vai, học sinh thể hiện nhận thức, thái độ trong mỗi tình huống cụ thể và phải có cách ứng xử phù hợp với tình huống đó. Ngoài ra, trong quá trình xây dựng kịch bản và hóa thân vào các nhân vật khác nhau giúp học sinh định hướng nghề nghiệp, nhiều học sinh bộc lộ những năng khiếu, sở trường đối với các ngành nghề như biên kịch, đạo diễn, diễn viên, nhà báo, hướng dẫn viên du lịch hoặc làm các ngành nghề của các nhân vật mà học sinh đã đóng vai.

c. Cách tiến hành

Bước 1: Lựa chọn tình huống: Giáo viên, học sinh lựa chọn tình huống đóng vai và xác định rõ đóng vai trong tình huống đó nhằm mục đích gì.

Bước 2: Chọn người tham gia: Học sinh tự nguyện tham gia hoặc giáo viên cử và được học sinh hứng thú chấp nhận đóng vai.

Bước 3: Chuẩn bị diễn xuất: Các “diễn viên” bàn bạc cách thể hiện vai diễn và đưa ra các tình huống. Giáo viên định hướng để học sinh chủ động thể hiện ý tưởng.

Bước 4: Thể hiện vai diễn: Các “diễn viên” nhập vai và diễn xuất, các học sinh khác theo dõi, cổ vũ và nhận xét.

Bước 5: Đánh giá kết quả: Giáo viên và học sinh nhận xét, đánh giá chất lượng diễn xuất, khen thưởng (nếu có).

d. Điều kiện để thực hiện biện pháp

Một số yêu cầu khi đóng vai:

- + Tình huống đóng vai phải phù hợp với chủ đề giáo dục, phù hợp với lứa tuổi, trình độ học sinh và điều kiện lớp học.
- + Tình huống nên đề mở, có thể không cho trước kịch bản để học sinh tự sáng tạo.
- + Phải dành thời gian phù hợp cho các nhóm chuẩn bị đóng vai.
- + Người đóng vai phải hiểu rõ vai của mình trong tình huống của bài tập đóng vai để không lạc đề.
- + Nên khích lệ cả học sinh nhút nhát cùng tham gia.
- + Nên có hóa trang và đạo cụ đơn giản để tăng tính hấp dẫn của việc đóng vai (nếu có điều kiện).

Tuy nhiên, đóng vai không phải là sự chuyển hóa một cách tuyệt đối, học sinh có thể mang vào đó những cách cảm, cách nghĩ, cách ứng xử của riêng mình trên cơ sở tôn trọng ý nghĩa khách quan của tác phẩm và ý đồ chủ quan của nhà văn. Đây chính là tiền đề để học sinh phát huy được khả năng “đồng sáng tạo” của mình.

2.5.3.2. Tác động vào quá trình dạy học đọc hiểu

a. Hoạt động trước khi đọc

Đây là một trong những giai đoạn vô cùng quan trọng trong quá trình dạy học đọc hiểu văn bản. Bởi đây là bước đệm, tạo tri thức nền của học sinh, những tri thức này được hoạt hóa, khơi gợi phù hợp trên cơ sở mục tiêu đọc cụ thể ngay từ ban đầu sẽ giúp học sinh chiếm lĩnh văn bản thuận lợi. Tri thức nền càng phong phú và được khơi gợi phù hợp, đúng thời điểm thì việc chiếm lĩnh văn bản càng thuận lợi, dễ dàng hơn cho các bước tiếp sau. Trước khi đọc, học sinh cần có một tầm đón nhận nhất định bao gồm các năng lực ngôn ngữ, phi ngôn ngữ, khả năng nhận thức... và vốn kiến thức, kinh nghiệm có liên quan đến nội dung của tác phẩm. Đồng thời một suy nghĩ tích cực, sự sẵn sàng, hứng thú cũng là một nhân tố cần thiết trong hành động đọc của học sinh.

Bên cạnh đó, trước khi đọc các văn bản, học sinh cần phải xác định được mục tiêu rõ ràng cho việc đọc. Mục tiêu sẽ định hướng và quyết định cách thức đọc phù hợp. Trong nhà trường, hoạt động dạy học đọc hiểu văn bản thường hướng đến các mục tiêu như: đọc để nhận diện thông tin, đọc để tóm tắt, trả lời câu hỏi; đọc để xác định thể loại; đọc để lí giải, hóa thân trải nghiệm cảm xúc...

Việc hình thành ở học sinh ý thức về nhiệm vụ trước khi đọc bao gồm:

- *Huy động tri thức và trải nghiệm nền của học sinh có liên quan đến nội dung chủ đề, văn bản đọc hiểu*: Tri thức nền bao gồm: vốn sống, những trải nghiệm đã có, từng làm; môi trường, lối sống, văn hóa, gia đình; những kiến thức có được từ việc nghe kể, xem phim, đi chơi, du lịch, tiếp xúc với nhiều trải nghiệm khác nhau...

- *Bổ sung tri thức nền cần thiết để học sinh có thể thực hiện được hoạt động đọc hiểu văn bản*: Giáo viên có thể bổ sung tri thức nền cho học sinh bằng cách nói chuyện, kể thêm những hiểu biết về cuộc sống xung quanh bài học cho học sinh; tạo cơ hội để các em tiếp xúc với nhiều trải nghiệm khác nhau như được cầm nắm, ngắm nhìn vật thật có liên quan...

- *Tạo tâm thế sẵn sàng hứng thú bước vào hoạt động đọc*: Giáo viên cần tạo ra một môi trường học tập thân thiện để học sinh cảm thấy thoải mái và tự do sử dụng những hiểu biết sẵn có của mình để khám phá văn bản. Giáo viên có thể khơi gợi, mời gọi học sinh bước vào và khám phá văn bản bằng việc tạo ra bối cảnh như xem phim, kể chuyện... Nhờ đó, học sinh sẽ có được tâm lí dễ dàng nhập cuộc, hào hứng trình bày những ý tưởng của riêng các em.

- *Tạo ra các dự đoán ban đầu để kích hoạt những bộ khung dự hướng và những trông đợi*: Giáo viên đưa ra những yêu cầu (vẽ, thảo luận, đặt câu hỏi,...) để khơi gợi, giúp học sinh trình bày những liên tưởng, suy nghĩ, cách hiểu ban đầu của mình về văn bản. Bước đầu lựa chọn những chiến thuật đọc hiểu phù hợp.

Theo nhà nghiên cứu Phạm Thị Thu Hương, “Chiến thuật đọc hiểu là những biện pháp, những thủ thuật, những cách thức, thao tác nhất định nhằm dẫn dắt quá trình nhận thức của học sinh để chiếm lĩnh, kiến tạo ý nghĩa văn bản một cách tích cực, chủ động, hiệu quả.” Và “Chiến thuật là “bước đệm” quan trọng, là cây cầu nối không thể thiếu để bạn đọc học sinh từng bước trở thành một người đọc độc lập, thuần thực, có kĩ năng và sáng tạo.” [6]

Chiến thuật được triển khai qua việc đặt câu hỏi. Hoạt động đặt câu hỏi này liên quan chặt chẽ đến việc tri giác nhanh một số yếu tố thuộc hình thức bên ngoài văn bản như: cách trình bày, các tranh ảnh minh họa, độ dài văn bản; tri giác nhanh về nhan đề, tên tác giả, thể loại của văn bản (ở mức độ nhận biết đơn giản là câu, đoạn văn, bài văn hay thơ...).

Cùng với việc đặt câu hỏi thì việc sử dụng tranh/ảnh để nêu yêu cầu nhiệm vụ cũng hết sức hiệu quả. Hình thức này thường được áp dụng để tăng tính hấp dẫn, thú vị, kích hoạt trí tưởng tượng, liên tưởng của học sinh. Để đặt câu hỏi theo hướng năng lực, giáo viên cần chú ý đến kỹ năng đặt câu hỏi. Cách đặt câu hỏi cho hoạt động trước khi đọc nên chú ý hướng vào các đích như: Câu hỏi mang tính chất khởi động (Tiêu đề của bài đọc là gì? Tiêu đề cho em biết điều gì? Bức tranh đầu bài đọc vẽ những ai? Họ đang làm gì? ...); Câu hỏi mang tính chất khơi gợi khả năng dự đoán (Thử nghĩ xem các nhân vật có học cùng lớp/ sống trong cùng một nhà không?; Con chó đứng trên cầu để làm gì nhỉ?...); Câu hỏi mang tính chất suy luận (Nhìn vào hình vẽ con sư tử, em có nghĩ nó rất hung dữ không? Tại sao em nghĩ vậy?...)

b. Hoạt động trong khi đọc

Đây là giai đoạn mọi hoạt động trải nghiệm bên trong của học sinh thực sự diễn ra khi tương tác trực tiếp với văn bản. Trong đó, học sinh được rèn luyện phát triển các thao tác tư duy, các xúc cảm, nhận thức thẩm mỹ... để phản hồi lại văn bản.

Trong phương pháp dạy học đọc hiểu trước hết giáo viên cần nắm được những yêu cầu chung về dạy học đọc hiểu một văn bản. Tiếp đến cần chú ý những yêu cầu gắn với đặc trưng thể loại hoặc kiểu văn bản. Trong mỗi nhóm văn bản lớn lại có những thể loại, kiểu loại nhỏ; chẳng hạn với văn bản văn học có ít nhất 3 thể loại chi phối cách dạy học đọc hiểu: truyện; thơ; văn bản miêu tả, giới thiệu. Yêu cầu chung về phương pháp dạy học đọc hiểu văn bản:

- Cho học sinh đọc trực tiếp văn bản, quan sát các yếu tố hình thức của văn bản: câu, chữ, tiêu đề, bố cục, chi tiết, nhân vật, sự kiện,... từ đó có ấn tượng chung về văn bản; tóm tắt được nội dung chính của văn bản.
- Cho học sinh tìm kiếm, phát hiện, phân tích, suy luận ý nghĩa các thông tin, chi tiết, quan điểm, thái độ, tình cảm,... được gửi gắm trong nhân vật, sự kiện ở văn bản.
- Hướng dẫn học sinh liên hệ, so sánh giữa các văn bản; kết nối văn bản với trải nghiệm của chính mình để từ đó hiểu sâu hơn giá trị của văn bản; biết vận dụng, chuyển hoá những giá trị ấy thành lối sống, cách ứng xử của cá nhân trong đời sống.

Ở giai đoạn này, giáo viên cần đa dạng hóa các hình thức thực hiện nhiệm vụ của mỗi hoạt động để phát huy tính tích cực ở học sinh. Giáo viên cần tăng các “kênh”, các hình thức “vật chất hóa” hoạt động “hiểu” vốn tồn tại bên trong ra bên ngoài để có thể quan sát, điều khiển, điều chỉnh, hỗ trợ, khích lệ kịp thời. Vì vậy, tôi sử dụng các chiến thuật: chiến thuật xây dựng mối quan hệ hỏi đáp, chiến thuật dự đoán, chiến thuật đặt mình vào tình huống với loại câu hỏi được đề nghị “Nếu bạn là...” (If you are question), chiến thuật hình dung tưởng tượng và chiến thuật làm đầy văn bản.

Chiến thuật dự đoán được sử dụng ở mức độ đơn giản nhất: dự đoán các sự việc, chi tiết theo đúng nội dung câu chuyện. Với cách này, học sinh hoàn toàn có thể kiểm chứng được đến đoạn sau, đoạn cuối truyện những gì mình dự đoán có đúng không.

Chiến thuật xây dựng mối quan hệ hỏi đáp, chiến thuật đặt mình vào tình huống với loại câu hỏi được đề nghị “Nếu bạn là...” (If you are question) nhằm xây dựng để các em có thói quen và kỹ năng đặt câu hỏi, một trong những yếu tố cơ bản để tạo thành bạn đọc tích cực. Cùng với đó, để hình thành năng lực đọc hiểu cho học sinh, cần huy động trí tưởng tượng, sự hình dung, tái hiện của học sinh với các chi tiết tưởng như đã từng mình trong văn bản.

c. Hoạt động sau khi đọc

Đây là giai đoạn học sinh thu nhận những tri thức về văn bản tập hợp lại sau khi đọc. Ở giai đoạn sau khi đọc, tôi huy động các chiến thuật sau: Đặt câu hỏi, Hình dung tưởng tượng, Suy luận, Dự đoán, Kết nối, Giám sát việc hiểu của bản thân...

Sau khi đọc xong bài, giáo viên hướng dẫn học sinh tự đặt các câu hỏi hoặc trả lời các câu hỏi về những cảm nhận và ấn tượng của bài đọc. Ví dụ như:

- Em thích bài đọc này vì điểm gì?
- Em yêu thích nhất phần nào trong bài đọc?
- Còn có chỗ nào em chưa hiểu không?

Dựa trên những hướng dẫn việc tìm hiểu nội dung văn bản ở giai đoạn trong khi đọc, giáo viên có thể gợi ý để học sinh dự đoán bước tiếp theo của nhân vật hay tình huống. Dựa trên những thông tin mà văn bản cung cấp, học sinh sẽ nêu dự đoán của mình. Một số hoạt động giáo viên có thể cho học sinh thực hiện như:

- Cho học sinh diễn lại một cảnh trong bài đọc. Giáo viên hãy lựa chọn những văn bản truyện cổ tích quen thuộc đến những văn bản khác mà học sinh hứng thú. Giáo viên có thể diễn cùng học sinh.

- Trò chuyện với các nhân vật trong văn bản đọc. Học sinh hóa thân thành bất kỳ nhân vật nào trong bài đọc. Giáo viên là người dẫn chương trình. Lựa chọn một chủ đề ngắn. Giáo viên nghĩ ra nhiều câu hỏi thú vị và chờ xem câu trả lời của học sinh phong phú và sâu sắc thế nào.

- Tổ chức tranh luận ngắn. Học sinh sẽ đưa ra những quan điểm đồng tình hoặc không đồng tình với nhân vật nào đó hoặc một ý kiến nào đó. Tranh luận thể hiện kiến thức sâu sắc, khả năng giao tiếp thông minh, bình tĩnh đôi khi cả dĩnh đạc.

- So sánh ngắn giữa văn bản đọc này với văn bản đọc khác. Với cách làm này, học sinh hiểu sâu, nhớ lâu, đồng thời tạo được mối liên hệ giữa những gì đã đọc với những gì

bài đọc mang đến cho học sinh. Đồng thời, thực hiện hoạt động này, học sinh tự rèn khả năng quan sát và phát hiện vấn đề. Giáo viên cũng có thể đề nghị học sinh so sánh văn bản đọc với phiên bản điện ảnh (nếu có).

- Vẽ một bức tranh liên quan đến bài đọc. Giáo viên đề nghị học sinh vẽ về chi tiết/ hình ảnh/ nhân vật/ cảnh vật... ấn tượng nhất trong bài đọc. Hình ảnh hóa nội dung văn bản đọc cũng là một cách hay giúp học sinh nhớ kỹ và lâu.

- Viết một lá thư thay mặt nhân vật này gửi cho nhân vật khác. Cách này vừa rèn năng lực đọc hiểu người khác để bày tỏ quan điểm.

- Sáng tác tiếp cho văn bản thơ hoặc văn bản truyện. Một phiên bản khác cho văn bản, học sinh tưởng tượng và thỏa sức sáng tạo theo cách riêng của mình.

3. KẾT LUẬN

Các biện pháp xây dựng vừa đảm bảo yếu tố “vừa sức” không quá khó hoặc quá sơ sài, vừa hướng tới việc “tạo sức”. Nghĩa là có những biện pháp mới mẻ, “phá cách”. Do đó giáo viên, học sinh và phụ huynh có thể sử dụng biện pháp của khóa luận trong giờ chính khóa hoặc ở các môi trường đọc ngoài nhà trường.

Với những cách làm trên, tôi mong muốn “chuyển kết quả đọc hiểu văn bản văn học thành sản phẩm đọc của học sinh” để góp phần đánh giá năng lực đọc hiểu. Việc chuyển đổi kết quả đọc hiểu thành sản phẩm của chính học sinh không chỉ là mong muốn đối với đọc hiểu văn bản mà còn là kì vọng của việc dạy đọc học đọc hiểu nói chung. Tuy nhiên, với hệ thống biện pháp đã đề xuất tôi hi vọng có thể làm được điều này. Và như thế các biện pháp tôi đưa ra sẽ góp phần mở ra hướng đi mới trong việc đổi mới nội dung và phương pháp đọc hiểu văn bản văn học, góp phần khắc phục cách đọc khuôn mẫu, đơn điệu hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/1018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
2. Debra S. Peterson, Barbara M. Taylor, 2012, *Using Higher Order Questioning To Accelerate Students' Growth in Reading*. Reading Teacher, Vol.65, Issue 5, ppt. 285–304.
3. Donna Ogle, 1986. K-W-L: *A teaching model that develops active reading of expository text*. Reading Teacher, 39, p.564–570.
4. Nghị quyết số 29/NQ-TW, ngày 4/11/2013, *Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.

5. Nguyễn Thanh Hùng (2008), *Đọc – hiểu tác phẩm văn chương trong nhà trường*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, tr.76.
6. Nguyễn Trọng Hoàn (2006), *Một số vấn đề đọc hiểu văn bản Ngữ văn*, Tạp chí Giáo dục số 5.
7. Phạm Phương Anh, (2015), *Ngữ liệu dạy học trong SÁCH GIÁO KHOA môn Tự nhiên và xã hội và Tài liệu Macmillan Natural and Social Science 1, 2, 3*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 6 (71).
8. Phạm Thị Thu Hương, (2018), *Đọc hiểu và chiến thuật đọc hiểu văn bản trong nhà trường phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
9. Ruth Ann Williamson, 1996. *A Self-Questioning – An Aid to Metacognition*. Reading horizons, Vol. 37, No. 1 p.31–47.
10. <https://cth.edu.vn/tong-quan-ve-ky-nang-doc-hieu/>
11. <https://trandinhhu.wordpress.com/2013/08/30/doc-hieu-van-ban-khau-dot-pha-trong-day-hoc-van-hien-nay/>

MEASURES TO DEVELOP READING COMPREHENSION FOR 4th GRADE STUDENTS THROUGH THE BOOK SERIES "CONNECTING KNOWLEDGE TO LIFE"

Dinh Thanh Huyen, Nguyen Thi Vinh, Nguyen Ly Phuong Linh

Abstract: *The principles propose measures to develop reading comprehension capacity for 4th grade students. The proposed principles are based on both exploiting basic understanding of reading comprehension and closely following the characteristics of text reading comprehension. Psychological and physiological characteristics of 4th grade students. The measures are divided into 3 groups, the group evokes background knowledge when teaching reading comprehension, the group affects the content when teaching reading comprehension, and the group affects the method when teaching reading comprehension to 4th grade students. The three groups support each other towards the reading comprehension goal set by the 2018 Literature general education program, which is "reading for content comprehension, reading for form, Interpersonal and Extensive Reading Comprehension". That means the measures both support reading comprehension of text in the program and are aimed at different reading environments and audiences (parents, students who need to improve reading culture not only in grade 4). ...)*

Keywords: *principles, measures, capacity development.*

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 25-3-2024; ngày phản biện đánh giá: 08-4-2024; ngày chấp nhận đăng: 26-4-2024)